

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	1	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	302	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	415	Tiếng Anh GE1	7253401A03	6	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
2	1	503	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	504	Toán cao cấp	7253404A01	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	'0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	1	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	506	Tiếng Việt	725NS6	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	1	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
2	1	508	Tiếng Anh GE1	7253404A02	3	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	1	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
2	1	513	Tiếng Anh GE1	7253404A02	4	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	1	606	Toán cao cấp	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	1	607	Phương pháp học & NCKH	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	1	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
2	1	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	1	613	Tiếng Anh GE1	7253401A03	5	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
2	1	701	Kỹ năng nghe 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	1	HTL	Pháp luật đại cương	725NS1	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
2	2	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	302	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	415	Tiếng Anh GE1	7253401A03	6	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
2	2	503	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	504	Toán cao cấp	7253404A01	.	Ths	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	2	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	506	Tiếng Việt	725NS6	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	2	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	2	508	Tiếng Anh GE1	7253404A02	3	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	2	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	2	513	Tiếng Anh GE1	7253404A02	4	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	2	606	Toán cao cấp	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	0983249383	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	2	607	Phương pháp học & NCKH	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	2	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
2	2	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
2	2	613	Tiếng Anh GE1	7253401A03	5	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
2	2	701	Kỹ năng nghe 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	2	HTL	Pháp luật đại cương	725NS1	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
2	3	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	302	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	415	Tiếng Anh GE1	7253401A04	8	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
2	3	503	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	504	Toán cao cấp	7253404A02	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	'0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	3	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	506	Pháp luật đại cương	725NS6	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
2	3	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	508	Tiếng Anh GE1	7253404A01	1	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	3	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	3	513	Tiếng Anh GE1	7253404A01	2	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	3	606	Phương pháp học & NCKH	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	3	607	Toán cao cấp	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	3	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
2	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A03	.	ThS	1. Phạm Ngọc Hà 2. Vũ T	0398259203/0983840	Ngoại ngữ		
2	3	613	Tiếng Anh GE1	7253401A04	7	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
2	3	701	Kỹ năng đọc 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	3	HTL	Tiếng Việt	725NS1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	4	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	302	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	415	Tiếng Anh GE1	7253401A04	8	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
2	4	503	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	4	504	Toán cao cấp	7253404A02	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	'0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	4	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	4	506	Pháp luật đại cương	725NS6	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
2	4	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	4	508	Tiếng Anh GE1	7253404A01	1	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	4	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	4	513	Tiếng Anh GE1	7253404A01	2	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
2	4	606	Phương pháp học & NCKH	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	4	607	Toán cao cấp	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	4	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
2	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A03	.	ThS	1. Phạm Ngọc Hà 2. Vũ T	0398259203/0983840	Ngoại ngữ		
2	4	613	Tiếng Anh GE1	7253401A04	7	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
2	4	701	Kỹ năng đọc 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	4	HTL	Tiếng Việt	725NS1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	304	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	6	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A14	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	6	315	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	406	Tiếng Anh GE1	7253401A02	15	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	6	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	503	Toán cao cấp	7253401A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	6	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
2	6	505	Tiếng Anh GE1	7258101B03	25	Ths	Phạm T. Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	6	506	Tiếng Anh GE1	7258101B03	26	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	6	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	508	Tiếng Anh GE1	7253405A02	19	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
2	6	511	Kỹ năng đọc 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
2	6	513	Tiếng Anh GE1	7253405A02	20	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
2	6	606	Toán cao cấp	7258101B04	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
2	6	607	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A13	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
2	6	611	Tiếng Anh GE1	7253401A02	16	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	6	613	Kỹ năng đọc 1	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
2	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh /Vũ Th	'0353662687/ 098384	Ngoại ngữ		
2	6	HTL	Tiếng Việt	725NC1	.	TS	Đỗ Thị Hiền	0984085347	Ngoại ngữ		
2	6	PM602	Tin học đại cương	7253404A01	.	Ths	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
2	6	PM603	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
2	6	PM604	Tin học đại cương	7253403A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
2	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	304	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	7	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A14	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	7	315	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	406	Tiếng Anh GE1	7253401A02	15	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	7	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	7	503	Toán cao cấp	7253401A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	7	504	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	505	Tiếng Anh GE1	7258101B03	25	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	7	506	Tiếng Anh GE1	7258101B03	26	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	7	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	508	Tiếng Anh GE1	7253405A02	19	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
2	7	511	Kỹ năng đọc 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
2	7	513	Tiếng Anh GE1	7253405A02	20	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
2	7	606	Toán cao cấp	7258101B04	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
2	7	607	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A13	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
2	7	611	Tiếng Anh GE1	7253401A02	16	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	7	613	Kỹ năng đọc 1	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
2	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh /Vũ Th	'0353662687/ 098384	Ngoại ngữ		
2	7	HTL	Tiếng Việt	725NC1	.	TS	Đỗ Thị Hiền	0984085347	Ngoại ngữ		
2	7	PM602	Tin học đại cương	7253404A01	.	Ths	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
2	7	PM603	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
2	7	PM604	Tin học đại cương	7253403A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
2	8	304	Kỹ năng đọc 1	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	8	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	8	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	8	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	8	313	Kỹ năng đọc 1	7252202A14	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
2	8	406	Tiếng Anh GE1	7253401A01	13	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	8	503	Toán cao cấp	7253401A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	8	505	Tiếng Anh GE1	7258101B04	27	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	8	506	Tiếng Anh GE1	7258101B04	28	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	8	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	8	508	Tiếng Anh GE1	7253405A01	17	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	8	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
2	8	513	Tiếng Anh GE1	7253405A01	18	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
2	8	606	Toán cao cấp	7258101B03	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
2	8	607	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A13	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	8	611	Tiếng Anh GE1	7253401A01	14	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	8	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A15	.	ThS	Vũ Thanh Loan, Nguyễn	0983840607	Ngoại ngữ		
2	8	701	Kỹ năng nói 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
2	8	HTL	Pháp luật đại cương	725NC1	.	ThS	Trần Thị Kim Quy	0979.085.666	Ngoại ngữ		
2	8	PM602	Tin học đại cương	7253404A01	.	Ths	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
2	8	PM603	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
2	8	PM604	Tin học đại cương	7253403A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
2	9	304	Kỹ năng đọc 1	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	9	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	9	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	9	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	9	313	Kỹ năng đọc 1	7252202A14	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
2	9	406	Tiếng Anh GE1	7253401A01	13	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
2	9	503	Toán cao cấp	7253401A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
2	9	505	Tiếng Anh GE1	7258101B04	27	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	9	506	Tiếng Anh GE1	7258101B04	28	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
2	9	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	9	508	Tiếng Anh GE1	7253405A01	17	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
2	9	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
2	9	513	Tiếng Anh GE1	7253405A01	18	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
2	9	606	Toán cao cấp	7258101B03	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
2	9	607	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A13	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	9	611	Tiếng Anh GE1	7253401A01	14	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ: 08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	9	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A15	.	ThS	Vũ Thanh Loan, Nguyễn	0983840607	Ngoại ngữ		
2	9	701	Kỹ năng nói 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
2	9	HTL	Pháp luật đại cương	725NC1	.	ThS	Trần Thị Kim Quy	0979.085.666	Ngoại ngữ		
2	9	PM602	Tin học đại cương	7253404A01	.	Ths	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
2	9	PM603	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
2	9	PM604	Tin học đại cương	7253403A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
2	10	PM602	Tin học đại cương	7253404A01	.	Ths	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
2	10	PM603	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
2	10	PM604	Tin học đại cương	7253403A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:***Kinh tế - QTKD***

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	1	206	KSK	Khám SK	.		.	.			
3	1	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	307	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	308	Kỹ năng đọc 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
3	1	312	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	313	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	1	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	1	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	1	503	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	504	Toán cao cấp	7253401A03	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
3	1	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A20	.	TSThS	Lê Thị Tuyết MaiLê Thị	'0985859968'09122	Ngoại ngữ		
3	1	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	508	Tiếng Anh GE1	7258101B02	11	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	1	511	Pháp luật đại cương	725NS5	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
3	1	513	Tiếng Anh GE1	7258101B02	12	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	1	606	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	1	607	Kỹ năng nghe 1	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	'0372493553	Ngoại ngữ		
3	1	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
3	1	611	Kỹ năng nghe 1	7252202A03	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
3	1	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang;	'0837888682; "08279	Ngoại ngữ		
3	2	206	KSK	Khám SK	.		.	.			
3	2	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	2	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	307	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	308	Kỹ năng đọc 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
3	2	312	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	313	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	2	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	2	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	2	503	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	504	Toán cao cấp	7253401A03	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
3	2	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A20	.	FSThS	Lê Thị Tuyết MaiLê Thị	'0985859968'09122	Ngoại ngữ		
3	2	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	508	Tiếng Anh GE1	7258101B02	11	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	2	511	Pháp luật đại cương	725NS5	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
3	2	513	Tiếng Anh GE1	7258101B02	12	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	2	606	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	2	607	Kỹ năng nghe 1	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	'0372493553	Ngoại ngữ		
3	2	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
3	2	611	Kỹ năng nghe 1	7252202A03	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
3	2	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang;	'0837888682; "08279	Ngoại ngữ		
3	3	206	KSK	Khám SK	.		.	.			
3	3	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	307	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	3	308	Kỹ năng đọc 1	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
3	3	312	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	313	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	3	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	3	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
3	3	503	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	504	Toán cao cấp	7253401A04	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
3	3	506	Kỹ năng nghe 1	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	'0372493553	Ngoại ngữ		
3	3	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	508	Tiếng Anh GE1	7258101B01	9	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	3	511	Tiếng Việt	725NS5	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
3	3	513	Tiếng Anh GE1	7258101B01	10	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	3	606	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	607	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A19	.	TS 2.T	Lê Thị Đông Vinh 2.Vũ T	0912236949/0983840	Ngoại ngữ		
3	3	608	Kỹ năng nghe 1	7252202A04	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
3	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A03	.	ThS	1.Phạm Ngọc Hà 2. Vũ T	0398259203/0983840	Ngoại ngữ		
3	3	613	Kỹ năng nói 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	'0941939980	Ngoại ngữ		
3	3	HTL	Triết học Mác-Lênin	7253404A01+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
3	4	206	KSK	Khám SK	.		.	.			
3	4	301	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	307	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	308	Kỹ năng đọc 1	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	4	312	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	313	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	401	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	4	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	4	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	4	503	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	504	Toán cao cấp	7253401A04	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
3	4	506	Kỹ năng nghe 1	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	'0372493553	Ngoại ngữ		
3	4	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	508	Tiếng Anh GE1	7258101B01	9	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	4	511	Tiếng Việt	725NS5	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
3	4	513	Tiếng Anh GE1	7258101B01	10	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
3	4	606	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	4	607	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A19	.	TS 2.T	Lê Thị Đông Vinh 2.Vũ T	0912236949/0983840	Ngoại ngữ		
3	4	608	Kỹ năng nghe 1	7252202A04	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
3	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A03	.	ThS	1.Phạm Ngọc Hà 2. Vũ T	0398259203/0983840	Ngoại ngữ		
3	4	613	Kỹ năng nói 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	'0941939980	Ngoại ngữ		
3	4	HTL	Triết học Mác-Lênin	253404A01+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
3	5	HTL	Triết học Mác-Lênin	253404A01+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
3	6	302	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	6	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A09	.	TS/Ths	Lê Thị Đông Vinh/Nguyễn	0912236949	Ngoại ngữ		
3	6	315	Kỹ năng nói 1	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	'0987551705	Ngoại ngữ		
3	6	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	6	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	6	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	6	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	6	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	6	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	6	415	Kỹ năng nghe 1	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ	.	.
3	6	503	Toán cao cấp	7253405A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	504	Triết học Mác-Lênin	7253405A02	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	506	Tiếng Anh GE1	7258101B04	28	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	508	Tiếng Anh GE1	7253403A02	23	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	511	Phương pháp học & NCKH	7258101B03	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	513	Tiếng Anh GE1	7253403A02	24	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	606	Phương pháp học & NCKH	7253403A01	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	607	Tiếng Anh GE1	7258101B04	27	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	608	Kỹ năng nghe 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ	.	.
3	6	611	Kỹ năng đọc 1	7252201A03	.	TS	Nguyễn Thị Nương	'0912833525	Ngoại ngữ	.	.
3	6	613	Kỹ năng nghe 1	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ	.	.
3	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh /Vũ Th	'0353662687/ 098384	Ngoại ngữ	.	.
3	6	HTL	Pháp luật đại cương	725NC2	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ	.	.
3	6	PM601	TH NVNH	522411A	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD	.	.
3	6	PM604	TH NVNH	522411A	2	.	.	.	Kinh tế - QTKD	.	.
3	7	302	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
3	7	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
3	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A09	.	TS/Ths	Lê Thị Đông Vinh/Nguyễn	0912236949	Ngoại ngữ	.	.
3	7	315	Kỹ năng nói 1	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	'0987551705	Ngoại ngữ	.	.
3	7	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	7	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	7	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	7	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	7	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.
3	7	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.	.	.	.

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	7	415	Kỹ năng nghe 1	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		
3	7	503	Toán cao cấp	7253405A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
3	7	504	Triết học Mác-Lênin	7253405A02	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		
3	7	506	Tiếng Anh GE1	7258101B04	28	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
3	7	508	Tiếng Anh GE1	7253403A02	23	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
3	7	511	Phương pháp học & NCKH	7258101B03	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	7	513	Tiếng Anh GE1	7253403A02	24	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
3	7	606	Phương pháp học & NCKH	7253403A01	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD		
3	7	607	Tiếng Anh GE1	7258101B04	27	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
3	7	608	Kỹ năng nghe 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	7	611	Kỹ năng đọc 1	7252201A03	.	TS	Nguyễn Thị Nương	'0912833525	Ngoại ngữ		
3	7	613	Kỹ năng nghe 1	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh /Vũ Th	'0353662687/ 098384	Ngoại ngữ		
3	7	HTL	Pháp luật đại cương	725NC2	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
3	7	PM601	TH NVNH	522411A	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM604	TH NVNH	522411A	2		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	8	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	8	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	8	313	Kỹ năng nói 1	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	8	315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A10	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998/ '036600	Ngoại ngữ		
3	8	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	8	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	8	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	8	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	8	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	8	415	Kỹ năng nói 1	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		
3	8	503	Triết học Mác-Lênin	7253405A01	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		
3	8	504	Toán cao cấp	7253405A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
3	8	506	Tiếng Anh GE1	7258101B03	26	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	8	508	Tiếng Anh GE1	7253403A01	21	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
3	8	511	Phương pháp học & NCKH	7258101B04	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	8	513	Tiếng Anh GE1	7253403A01	22	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
3	8	606	Phương pháp học & NCKH	7253403A02	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD		
3	8	607	Tiếng Anh GE1	7258101B03	25	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
3	8	608	Kỹ năng đọc 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	'904969169	Ngoại ngữ		
3	8	611	Kỹ năng nghe 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	8	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A15	.	ThS	Vũ Thanh Loan, Nguyễn	0983840607	Ngoại ngữ		
3	8	701	Kỹ năng nghe 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
3	8	HTL	Tiếng Việt	725NC2	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
3	8	PM601	TH NVNH	522411A	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM604	TH NVNH	522411A	2	.	.	.	Kinh tế - QTKD		
3	9	302	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	9	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
3	9	313	Kỹ năng nói 1	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	9	315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A10	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998/ '036600	Ngoại ngữ		
3	9	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	9	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	9	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	9	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	9	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.			
3	9	415	Kỹ năng nói 1	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		
3	9	503	Triết học Mác-Lênin	7253405A01	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		
3	9	504	Toán cao cấp	7253405A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
3	9	506	Tiếng Anh GE1	7258101B03	26	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
3	9	508	Tiếng Anh GE1	7253403A01	21	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
3	9	511	Phương pháp học & NCKH	7258101B04	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	9	513	Tiếng Anh GE1	7253403A01	22	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
3	9	606	Phương pháp học & NCKH	7253403A02	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giảng vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ: 08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	9	607	Tiếng Anh GE1	7258101B03	25	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
3	9	608	Kỹ năng đọc 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	'904969169	Ngoại ngữ		
3	9	611	Kỹ năng nghe 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	9	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A15	.	ThS	Vũ Thanh Loan, Nguyễn	0983840607	Ngoại ngữ		
3	9	701	Kỹ năng nghe 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
3	9	HTL	Tiếng Việt	725NC2	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
3	9	PM601	TH NVNH	522411A	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM604	TH NVNH	522411A	2		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	11-13	308	Bảo hiểm kinh doanh	L BH kinh doa	.	Th.S	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	1	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	312	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	313	Kỹ năng nghe 1	7252201A01	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
4	1	315	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	415	Tiếng Anh GE1	7253401A03	6	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
4	1	503	Pháp luật đại cương	725NS4	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
4	1	504	Phương pháp học & NCKH	7253404A02	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	1	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A20	.	FSThS	Lê Thị Tuyết MaiLê Thị	'0985859968'09122	Ngoại ngữ		
4	1	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	508	Tiếng Anh GE1	7253404A01	1	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	1	511	Tiếng Việt	725NS3	.	TS	Phạm Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	1	513	Tiếng Anh GE1	7253404A01	2	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	1	606	Toán cao cấp	7253401A04	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
4	1	607	Kỹ năng nói 1	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	1	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
4	1	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	1	613	Tiếng Anh GE1	7253401A03	5	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
4	1	701	Kỹ năng viết 1	7252201A02	.	ThS	Trần Thị Kiều My	'0904801901	Ngoại ngữ		
4	1	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A02	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan N	0988213405 0366001	Ngoại ngữ		
4	1	PM601	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
4	1	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
4	2	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	312	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	313	Kỹ năng nghe 1	7252201A01	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
4	2	315	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	415	Tiếng Anh GE1	7253401A03	6	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
4	2	503	Pháp luật đại cương	725NS4	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
4	2	504	Phương pháp học & NCKH	7253404A02	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	2	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A20	.	TS	Lê Thị Tuyết Mai	'0985859968'09122	Ngoại ngữ		
4	2	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	508	Tiếng Anh GE1	7253404A01	1	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	2	511	Tiếng Việt	725NS3	.	TS	Phạm Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	2	513	Tiếng Anh GE1	7253404A01	2	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	2	606	Toán cao cấp	7253401A04	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
4	2	607	Kỹ năng nói 1	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	2	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
4	2	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
4	2	613	Tiếng Anh GE1	7253401A03	5	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
4	2	701	Kỹ năng viết 1	7252201A02	.	ThS	Trần Thị Kiều My	'0904801901	Ngoại ngữ		
4	2	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A02	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan N	0988213405 0366001	Ngoại ngữ		
4	2	PM601	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
4	2	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
4	3	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	312	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	313	Phát âm 1	7252201A01	.	ThS	Bùi Thị Phương	'0973878002	Ngoại ngữ		
4	3	315	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	415	Tiếng Anh GE1	7253401A04	8	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
4	3	503	Tiếng Việt	725NS4	.	TS	Phạm Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	3	504	Phương pháp học & NCKH	7253404A01	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	3	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	506	Kỹ năng nói 1	7252202A20	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	'0363792733	Ngoại ngữ		
4	3	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	3	508	Tiếng Anh GE1	7253404A02	3	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	3	511	Pháp luật đại cương	725NS3	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
4	3	513	Tiếng Anh GE1	7253404A02	4	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	3	606	Toán cao cấp	7253401A03	.	TS	Đặng Thanh Hưng	'0967066484	Kinh tế - QTKD		
4	3	607	Kỹ năng nghe 1	7252201A05	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	'0976869798	Ngoại ngữ		
4	3	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A06	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà, N	0988213405	Ngoại ngữ		
4	3	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
4	3	613	Tiếng Anh GE1	7253401A04	7	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
4	3	701	Kỹ năng nói 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	3	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
4	3	PM601	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
4	3	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
4	4	208	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	312	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	313	Phát âm 1	7252201A01	.	ThS	Bùi Thị Phương	'0973878002	Ngoại ngữ		
4	4	315	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	4	317	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	4	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	4	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	415	Tiếng Anh GE1	7253401A04	8	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
4	4	503	Tiếng Việt	725NS4	.	TS	Phạm Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	4	504	Phương pháp học & NCKH	7253404A01	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	4	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	506	Kỹ năng nói 1	7252202A20	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
4	4	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.	.	.	.			
4	4	508	Tiếng Anh GE1	7253404A02	3	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	4	511	Pháp luật đại cương	725NS3	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Ngoại ngữ		
4	4	513	Tiếng Anh GE1	7253404A02	4	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
4	4	606	Toán cao cấp	7253401A03	.	TS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	Kinh tế - QTKD		
4	4	607	Kỹ năng nghe 1	7252201A05	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
4	4	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A06	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà, N	0988213405	Ngoại ngữ		
4	4	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
4	4	613	Tiếng Anh GE1	7253401A04	7	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
4	4	701	Kỹ năng nói 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	4	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
4	4	PM601	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
4	4	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
4	5	208	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	5	PM601	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
4	5	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
4	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	6	302	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	6	305	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	6	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	6	315	Tiếng Anh GE1	7253401A01	13	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	6	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	6	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	6	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	6	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	6	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	6	503	Phương pháp học & NCKH	7253401A02	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	6	504	Toán cao cấp	7253405A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
4	6	506	Toán cao cấp	7258101B03	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	6	508	Tiếng Anh GE1	7253405A01	17	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
4	6	513	Tiếng Anh GE1	7253405A01	18	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
4	6	608	Kỹ năng nói 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
4	6	611	Tiếng Anh GE1	7253401A01	14	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	6	HTL	Tiếng Việt	725NC3	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
4	6	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
4	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	7	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	7	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	7	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	7	315	Tiếng Anh GE1	7253401A01	13	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	7	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	7	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	7	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	7	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	7	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	7	503	Phương pháp học & NCKH	7253401A02	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	7	504	Toán cao cấp	7253405A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
4	7	506	Toán cao cấp	7258101B03	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	7	508	Tiếng Anh GE1	7253405A01	17	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
4	7	513	Tiếng Anh GE1	7253405A01	18	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
4	7	608	Kỹ năng nói 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
4	7	611	Tiếng Anh GE1	7253401A01	14	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	7	HTL	Tiếng Việt	725NC3	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
4	7	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
4	8	301	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	8	302	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	8	305	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	8	315	Tiếng Anh GE1	7253401A02	15	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	8	503	Phương pháp học & NCKH	7253401A01	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	8	504	Toán cao cấp	7253405A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
4	8	506	Toán cao cấp	7258101B04	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	8	508	Tiếng Anh GE1	7253405A02	19	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
4	8	513	Tiếng Anh GE1	7253405A02	20	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
4	8	608	Kỹ năng nói 1	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
4	8	611	Tiếng Anh GE1	7253401A02	16	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	8	HTL	Pháp luật đại cương	725NC3	.	ThS	Trần Thị Kim Quy	0979.085.666	Ngoại ngữ		
4	8	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
4	9	301	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	9	302	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	9	305	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.			
4	9	315	Tiếng Anh GE1	7253401A02	15	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	9	503	Phương pháp học & NCKH	7253401A01	.	Ths	Nguyễn Thị Hoài Thu	'0936303376	Kinh tế - QTKD		
4	9	504	Toán cao cấp	7253405A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
4	9	506	Toán cao cấp	7258101B04	.	Ths	Lại Thị Thúy Trà	'0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	9	508	Tiếng Anh GE1	7253405A02	19	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
4	9	513	Tiếng Anh GE1	7253405A02	20	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
4	9	608	Kỹ năng nói 1	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ: 08/12/2025 Đến 14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	9	611	Tiếng Anh GE1	7253401A02	16	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
4	9	HTL	Pháp luật đại cương	725NC3	.	ThS	Trần Thị Kim Quy	0979.085.666	Ngoại ngữ		
4	9	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
4	10	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	1	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	312	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
5	1	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	317	Kỹ năng đọc 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	'0904969169	Ngoại ngữ		
5	1	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	409	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	410	Kỹ năng nói 1	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	1	503	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A18	.	l.TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	1	504	Toán cao cấp	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Văn Diệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	1	505	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		
5	1	506	Kỹ năng đọc 1	7252202A19	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
5	1	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	1	508	Tiếng Anh GE1	7258101B01	9	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	1	511	Kỹ năng nghe 1	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	'0987388682	Ngoại ngữ		
5	1	513	Tiếng Anh GE1	7258101B01	10	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	1	606	Kỹ năng nghe 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	'0372493553	Ngoại ngữ		
5	1	607	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A05	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
5	1	608	Kỹ năng nói 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	'0968844503	Ngoại ngữ		
5	1	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A06	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà, N	0988213405	Ngoại ngữ		
5	1	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang;	'0837888682; "08279	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	1	HTL	Pháp luật đại cương	253401A03+A0	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Kinh tế - QTKD		
5	1	PM603	Tin học đại cương	7253401A02	.	Ths	Trần Thị Lua A	0912767704	Kinh tế - QTKD		
5	2	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	312	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
5	2	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	317	Kỹ năng đọc 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
5	2	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	409	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	410	Kỹ năng nói 1	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	2	503	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A18	.	l.TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	2	504	Toán cao cấp	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	2	505	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
5	2	506	Kỹ năng đọc 1	7252202A19	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
5	2	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	508	Tiếng Anh GE1	7258101B01	9	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	2	511	Kỹ năng nghe 1	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987388682	Ngoại ngữ		
5	2	513	Tiếng Anh GE1	7258101B01	10	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	2	606	Kỹ năng nghe 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
5	2	607	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A05	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
5	2	608	Kỹ năng nói 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	2	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A06	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà, N	0988213405	Ngoại ngữ		
5	2	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang;	'0837888682; "08279	Ngoại ngữ		
5	2	HTL	Pháp luật đại cương	253401A03+A0	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Kinh tế - QTKD		
5	2	PM603	Tin học đại cương	7253401A02	.	Ths	Trần Thị Lựa A	0912767704	Kinh tế - QTKD		
5	3	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	312	Kỹ năng nói 1	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	'0904969169	Ngoại ngữ		
5	3	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	317	Kỹ năng nghe 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
5	3	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	3	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	3	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	3	409	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A03	.	ThS	1.Phạm Ngọc Hà 2. Vũ T	0398259203/0983840	Ngoại ngữ		
5	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	3	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	3	415	Kỹ năng nói 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	'0968844503	Ngoại ngữ		
5	3	503	Kỹ năng nghe 1	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	'0987388682	Ngoại ngữ		
5	3	504	Toán cao cấp	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	3	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A19	.	TS 2.T	Lê Thị Đông Vinh 2.Vũ T	0912236949/0983840	Ngoại ngữ		
5	3	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	508	Tiếng Anh GE1	7258101B02	11	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	3	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A17	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	3	513	Tiếng Anh GE1	7258101B02	12	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	3	606	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
5	3	607	Kỹ năng đọc 1	7252201A05	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	'0976869798	Ngoại ngữ		
5	3	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	3	613	Kỹ năng nói 1	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	3	701	Kỹ năng nghe 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	'0372493553	Ngoại ngữ		
5	3	HTL	Pháp luật đại cương	253404A01+A0	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Kinh tế - QTKD		
5	3	PM603	Tin học đại cương	7253401A02	.	Ths	Trần Thị Lua A	0912767704	Kinh tế - QTKD		
5	4	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	312	Kỹ năng nói 1	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	'0904969169	Ngoại ngữ		
5	4	313	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	317	Kỹ năng nghe 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
5	4	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	4	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	4	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	4	409	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A03	.	ThS	1. Phạm Ngọc Hà 2. Vũ T	0398259203/0983840	Ngoại ngữ		
5	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	4	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	4	415	Kỹ năng nói 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	'0968844503	Ngoại ngữ		
5	4	503	Kỹ năng nghe 1	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	'0987388682	Ngoại ngữ		
5	4	504	Toán cao cấp	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	4	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A19	.	TS 2.T	Lê Thị Đông Vinh 2.Vũ T	0912236949/0983840	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	4	507	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	508	Tiếng Anh GE1	7258101B02	11	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	4	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A17	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	4	513	Tiếng Anh GE1	7258101B02	12	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
5	4	606	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
5	4	607	Kỹ năng đọc 1	7252201A05	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	'0976869798	Ngoại ngữ		
5	4	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	4	613	Kỹ năng nói 1	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	4	701	Kỹ năng nghe 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	'0372493553	Ngoại ngữ		
5	4	HTL	Pháp luật đại cương	253404A01+A0	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902.255.909	Kinh tế - QTKD		
5	4	PM603	Tin học đại cương	7253401A02	.	Ths	Trần Thị Lựa A	0912767704	Kinh tế - QTKD		
5	5	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	5	PM603	Tin học đại cương	7253401A02	.	Ths	Trần Thị Lựa A	0912767704	Kinh tế - QTKD		
5	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A14	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	6	315	Phát âm 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
5	6	317	Kỹ năng nói 1	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
5	6	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	6	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	6	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	6	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	6	415	Kỹ năng nói 1	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	6	503	Pháp luật đại cương	7253401A01	.	TS	Nguyễn Hùng	0979.085.666	Kinh tế - QTKD		
5	6	504	Triết học Mác-Lênin	7253401A02	.	TS	Hồ Tri	'0979958895	Kinh tế - QTKD		
5	6	505	Tiếng Anh GE1	7258101B03	25	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	6	506	Tiếng Anh GE1	7258101B03	26	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	6	508	Tiếng Anh GE1	7253403A01	21	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
5	6	513	Tiếng Anh GE1	7253403A01	22	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
5	6	606	Toán cao cấp	7253403A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	6	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
5	6	611	Kỹ năng viết 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	6	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A09	.	TS/Ths	Lê Thị Đông Vinh/Nguyễn	0912236949	Ngoại ngữ		
5	6	701	Kỹ năng đọc 1	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
5	6	HTL	Hội thảo	Khoa KTCT	.		.	.			
5	6	PM601	TH NVNH	522411B	1		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	6	PM602	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
5	6	PM603	Tin học đại cương	7253404A02	.	Ths	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
5	6	PM604	TH NVNH	522411B	2	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A14	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	7	315	Phát âm 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
5	7	317	Kỹ năng nói 1	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
5	7	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	7	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	7	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	7	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	7	415	Kỹ năng nói 1	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	7	503	Pháp luật đại cương	7253401A01	.	TS	Nguyễn Hùng	0979.085.666	Kinh tế - QTKD		
5	7	504	Triết học Mác-Lênin	7253401A02	.	TS	Hồ Tri	'0979958895	Kinh tế - QTKD		
5	7	505	Tiếng Anh GE1	7258101B03	25	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	7	506	Tiếng Anh GE1	7258101B03	26	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	7	508	Tiếng Anh GE1	7253403A01	21	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
5	7	513	Tiếng Anh GE1	7253403A01	22	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
5	7	606	Toán cao cấp	7253403A02	.	Ths	Nguyễn Văn Diệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	7	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
5	7	611	Kỹ năng viết 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	7	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A09	.	TS/Ths	Lê Thị Đông Vinh/Nguyễn	0912236949	Ngoại ngữ		
5	7	701	Kỹ năng đọc 1	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..					- Cán bộ: -Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..				
---	--	--	--	--	---	--	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	7	HTL	Hội thảo	Khoa KTCT	.		.	.			
5	7	PM601	TH NVNH	522411B	1		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	7	PM602	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
5	7	PM603	Tin học đại cương	7253404A02	.	Ths	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
5	7	PM604	TH NVNH	522411B	2	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	8	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	8	313	Kỹ năng nói 1	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
5	8	315	Phát âm 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
5	8	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A13	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	8	402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A15	.	ThS	Vũ Thanh Loan, Nguyễn	0983840607	Ngoại ngữ		
5	8	503	Triết học Mác-Lênin	7253401A01	.	TS	Hồ Tri	'0979958895	Kinh tế - QTKD		
5	8	504	Pháp luật đại cương	7253401A02	.	TS	Nguyễn Hùng	0979.085.666	Kinh tế - QTKD		
5	8	505	Tiếng Anh GE1	7258101B04	27	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	8	506	Tiếng Anh GE1	7258101B04	28	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	8	508	Tiếng Anh GE1	7253403A02	23	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
5	8	513	Tiếng Anh GE1	7253403A02	24	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
5	8	606	Toán cao cấp	7253403A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A12	.	ThS	Dương Ánh Tuyết Ng	0988183650 '036600	Ngoại ngữ		
5	8	611	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	8	613	Kỹ năng đọc 1	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
5	8	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A10	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998/ '036600	Ngoại ngữ		
5	8	HTL	Hội thảo	Khoa KTCT	.		.	.			
5	8	PM601	TH NVNH	522411B	1		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	8	PM602	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
5	8	PM603	Tin học đại cương	7253404A02	.	Ths	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
5	8	PM604	TH NVNH	522411B	2		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	9	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	9	313	Kỹ năng nói 1	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Diệu Huyền	0398351810	Ngoại ngữ		
5	9	315	Phát âm 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	9	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A13	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	9	402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A15	.	ThS	Vũ Thanh Loan, Nguyễn	0983840607	Ngoại ngữ		
5	9	503	Triết học Mác-Lênin	7253401A01	.	TS	Hồ Tri	'0979958895	Kinh tế - QTKD		
5	9	504	Pháp luật đại cương	7253401A02	.	TS	Nguyễn Hùng	0979.085.666	Kinh tế - QTKD		
5	9	505	Tiếng Anh GE1	7258101B04	27	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	9	506	Tiếng Anh GE1	7258101B04	28	Ths	Phạm T.Phương Liên	0914819940	Kinh tế - QTKD		
5	9	508	Tiếng Anh GE1	7253403A02	23	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
5	9	513	Tiếng Anh GE1	7253403A02	24	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
5	9	606	Toán cao cấp	7253403A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
5	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A12	.	ThS	Dương Ánh Tuyết Ng	0988183650 '036600	Ngoại ngữ		
5	9	611	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	9	613	Kỹ năng đọc 1	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
5	9	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A10	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998/ '036600	Ngoại ngữ		
5	9	HTL	Hội thảo	Khoa KTCT	.		.	.			
5	9	PM601	TH NVNH	522411B	1		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	9	PM602	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
5	9	PM603	Tin học đại cương	7253404A02	.	Ths	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
5	9	PM604	TH NVNH	522411B	2		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	10	PM602	Tin học đại cương	7253401A03	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
5	10	PM603	Tin học đại cương	7253404A02	.	Ths	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	1	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	1	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	1	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	1	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	1	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	1	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	1	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A02	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan N	0988213405 0366001	Ngoại ngữ		
6	1	503	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A18	.	1.TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	1	504	Toán cao cấp	7253404A01	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	'0934565355	Kinh tế - QTKD		
6	1	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A20	.	TS	Lê Thị Tuyết Mai	'0985859968	Ngoại ngữ		
6	1	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	1	508	Tiếng Anh GE1	7253404A02	3	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	1	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	1	513	Tiếng Anh GE1	7253404A02	4	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	1	606	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
6	1	607	Kỹ năng đọc 1	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	'0372493553	Ngoại ngữ		
6	1	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A06	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà, N	0988213405	Ngoại ngữ		
6	1	611	Kỹ năng nghe 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	1	613	Kỹ năng đọc 1	7252201A01	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
6	1	701	Phát âm 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	'0375302103	Ngoại ngữ		
6	1	702	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	1	HTL	Triết học Mác-Lênin	253401A03+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	1	PM602	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
6	1	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	2	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	2	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	2	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	2	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	2	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	2	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	2	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A02	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan N	0988213405 0366001	Ngoại ngữ		
6	2	503	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A18	.	1.TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	2	504	Toán cao cấp	7253404A01	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	'0934565355	Kinh tế - QTKD		
6	2	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A20	.	1SThS	Lê Thị Tuyết MaiLê Thị	'0985859968'09122	Ngoại ngữ		
6	2	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	2	508	Tiếng Anh GE1	7253404A02	3	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	2	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	2	513	Tiếng Anh GE1	7253404A02	4	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	2	606	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
6	2	607	Kỹ năng đọc 1	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	'0372493553	Ngoại ngữ		
6	2	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A06	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà, N	0988213405	Ngoại ngữ		
6	2	611	Kỹ năng nghe 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	2	613	Kỹ năng đọc 1	7252201A01	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
6	2	701	Phát âm 1	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	'0375302103	Ngoại ngữ		
6	2	702	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		
6	2	HTL	Triết học Mác-Lênin	253401A03+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	2	PM602	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
6	2	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	3	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	313	Kỹ năng nói 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	'0912781332	Ngoại ngữ		
6	3	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	415	Kỹ năng nói 1	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	'0941939980	Ngoại ngữ		
6	3	503	Kỹ năng đọc 1	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	'0372493553	Ngoại ngữ		
6	3	504	Toán cao cấp	7253404A02	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	'0934565355	Kinh tế - QTKD		
6	3	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	506	Kỹ năng đọc 1	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
6	3	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	3	508	Tiếng Anh GE1	7253404A01	1	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	3	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	3	513	Tiếng Anh GE1	7253404A01	2	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	3	606	Kỹ năng nói 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	3	607	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A17	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	3	608	Kỹ năng nghe 1	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	3	613	Kỹ năng viết 1	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
6	3	701	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A02	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
6	3	702	Kỹ năng viết 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
6	3	HTL	Triết học Mác-Lênin	258101B01+B0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	3	PM602	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
6	3	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	4	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	302	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	305	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	306	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	307	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	308	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	313	Kỹ năng nói 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	4	315	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	406	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
6	4	415	Kỹ năng nói 1	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	4	503	Kỹ năng đọc 1	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
6	4	504	Toán cao cấp	7253404A02	.	Ths	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	4	505	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
6	4	506	Kỹ năng đọc 1	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ		
6	4	507	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
6	4	508	Tiếng Anh GE1	7253404A01	1	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	4	511	Thi kết thúc HP	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	513	Tiếng Anh GE1	7253404A01	2	Ths	Đào Thị Tâm	0983161817	Kinh tế - QTKD		
6	4	606	Kỹ năng nói 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	4	607	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A17	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	4	608	Kỹ năng nghe 1	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A05	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	4	613	Kỹ năng viết 1	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
6	4	701	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A02	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
6	4	702	Kỹ năng viết 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
6	4	HTL	Triết học Mác-Lênin	258101B01+B02	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	4	PM602	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
6	4	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	5	HTL	Triết học Mác-Lênin	258101B01+B02	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	5	PM602	Tin học đại cương	7253405A02	.	Ths	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
6	5	PM603	Tin học đại cương	7253401A01	.	Ths	Nguyễn T. Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A12	.	ThS	Dương Ánh Tuyết Ng	0988183650 '036600	Ngoại ngữ		
6	6	315	Tiếng Anh GE1	7253401A02	16	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
6	6	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	6	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
6	6	406	Tiếng Anh GE1	7253401A02	15	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
6	6	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
6	6	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
6	6	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			
6	6	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKI	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	6	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	6	503	Toán cao cấp	7253401A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD	.	.
6	6	507	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
6	6	508	Tiếng Anh GE1	7253405A02	19	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD	.	.
6	6	511	Kỹ năng đọc 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ	.	.
6	6	513	Tiếng Anh GE1	7253405A02	20	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD	.	.
6	6	606	Phương pháp học & NCKH	7253405A01	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD	.	.
6	6	607	Triết học Mác-Lênin	7258101B04	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD	.	.
6	6	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ	.	.
6	6	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ	.	.
6	6	613	Kỹ năng viết 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ	.	.
6	6	HTL	Pháp luật đại cương	7253403A01+A02	.	Ths	Trần Kim Quy	09044373509	Kinh tế - QTKD	.	.
6	6	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
6	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A12	.	ThS	Dương Ánh Tuyết Ng	0988183650 '036600	Ngoại ngữ	.	.
6	7	315	Tiếng Anh GE1	7253401A02	16	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	401	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
6	7	405	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	7	406	Tiếng Anh GE1	7253401A02	15	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	407	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	7	408	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	7	409	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	7	411	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	7	413	Thi kết thúc HP	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
6	7	503	Toán cao cấp	7253401A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	507	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
6	7	508	Tiếng Anh GE1	7253405A02	19	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD	.	.
6	7	511	Kỹ năng đọc 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	'0982553566	Ngoại ngữ	.	.
6	7	513	Tiếng Anh GE1	7253405A02	20	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD	.	.

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	7	606	Phương pháp học & NCKH	7253405A01	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD		
6	7	607	Triết học Mác-Lênin	7258101B04	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
6	7	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
6	7	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
6	7	613	Kỹ năng viết 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
6	7	HTL	Pháp luật đại cương	7253403A01+A02	.	Ths	Trần Kim Quy	09044373509	Kinh tế - QTKD		
6	7	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
6	8	313	Kỹ năng nghe 1	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	8	315	Tiếng Anh GE1	7253401A01	14	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
6	8	406	Tiếng Anh GE1	7253401A01	13	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
6	8	503	Toán cao cấp	7253401A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
6	8	506	Triết học Mác-Lênin	7258101B03	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
6	8	507	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	8	508	Tiếng Anh GE1	7253405A01	17	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
6	8	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh /Vũ Th	'0353662687/ 098384	Ngoại ngữ		
6	8	513	Tiếng Anh GE1	7253405A01	18	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
6	8	606	Phương pháp học & NCKH	7253405A02	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD		
6	8	608	Kỹ năng nghe 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
6	8	611	Kỹ năng nghe 1	7252202A21	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	8	613	Kỹ năng nói 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
6	8	HTL	Triết học Mác-Lênin	7253403A01+A02	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	8	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
6	9	313	Kỹ năng nghe 1	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	9	315	Tiếng Anh GE1	7253401A01	14	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
6	9	406	Tiếng Anh GE1	7253401A01	13	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
6	9	503	Toán cao cấp	7253401A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
6	9	506	Triết học Mác-Lênin	7258101B03	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
6	9	507	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	9	508	Tiếng Anh GE1	7253405A01	17	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ: 08/12/2025 Đến 14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	9	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh /Vũ Th	'0353662687/ 098384	Ngoại ngữ		
6	9	513	Tiếng Anh GE1	7253405A01	18	Ths	Hoàng T. Thu Lê	0985509000	Kinh tế - QTKD		
6	9	606	Phương pháp học & NCKH	7253405A02	.	TS	Lê Hữu Tuấn	'0989095058	Kinh tế - QTKD		
6	9	608	Kỹ năng nghe 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
6	9	611	Kỹ năng nghe 1	7252202A21	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	9	613	Kỹ năng nói 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
6	9	HTL	Triết học Mác-Lênin	253403A01+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	9	PM603	Tin học đại cương	7258101B01	.	Ths	Trần Thị Nga	0973260999	Kinh tế - QTKD		
6	10	HTL	Triết học Mác-Lênin	253403A01+A0	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	'0987993395	Kinh tế - QTKD		
6	11-13	308	Bảo hiểm kinh doanh	L BH kinh doa	.	Th.S	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ: 08/12/2025 Đến 14/12/2025

- Cán bộ: Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ: -Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
---	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	1	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang;	'0837888682; "08279	Ngoại ngữ		
7	1	313	Kỹ năng nói 1	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	'0353662687	Ngoại ngữ		
7	1	404	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A02	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan N	0988213405 0366001	Ngoại ngữ		
7	1	410	Tiếng Anh GE1	7253401A03	5	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
7	1	415	Tiếng Anh GE1	7253401A03	6	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
7	1	504	Phương pháp học & NCKH	7253401A04	.	TS	Vũ Văn Chung	'0986376369	Kinh tế - QTKD		
7	1	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A19	.	TS 2.T	Lê Thị Đông Vinh 2.Vũ T	0912236949/0983840	Ngoại ngữ		
7	1	508	Tiếng Anh GE1	7258101B02	11	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	1	511	Phát âm 1	7252201A05	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
7	1	513	Tiếng Anh GE1	7258101B02	12	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	1	606	Tâm lý học đại cương	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	1	607	Kỹ năng nói 1	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	'0912781332	Ngoại ngữ		
7	1	608	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		
7	1	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A07	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	1	702	Kỹ năng nghe 1	7252202A01	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	1	HTL	Tiếng Việt	725NS2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
7	2	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang;	'0837888682; "08279	Ngoại ngữ		
7	2	313	Kỹ năng nói 1	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	'0353662687	Ngoại ngữ		
7	2	404	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A02	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan N	0988213405 0366001	Ngoại ngữ		
7	2	410	Tiếng Anh GE1	7253401A03	5	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
7	2	415	Tiếng Anh GE1	7253401A03	6	Ths	Hoàng Thị Thúy	0989877298	Kinh tế - QTKD		
7	2	504	Phương pháp học & NCKH	7253401A04	.	TS	Vũ Văn Chung	'0986376369	Kinh tế - QTKD		
7	2	506	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A19	.	TS 2.T	Lê Thị Đông Vinh 2.Vũ T	0912236949/0983840	Ngoại ngữ		
7	2	508	Tiếng Anh GE1	7258101B02	11	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	2	511	Phát âm 1	7252201A05	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
7	2	513	Tiếng Anh GE1	7258101B02	12	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	2	606	Tâm lý học đại cương	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	2	607	Kỹ năng nói 1	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	'0912781332	Ngoại ngữ		
7	2	608	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	'0353714433	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	2	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A07	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	2	702	Kỹ năng nghe 1	7252202A01	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	2	HTL	Tiếng Việt	725NS2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
7	3	308	Kỹ năng đọc 1	7252202A08	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	3	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A17	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
7	3	404	Kỹ năng nghe 1	7252202A02	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	3	410	Tiếng Anh GE1	7253401A04	7	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
7	3	415	Tiếng Anh GE1	7253401A04	8	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
7	3	504	Phương pháp học & NCKH	7253401A03	.	TS	Vũ Văn Chung	'0986376369	Kinh tế - QTKD		
7	3	506	Kỹ năng nói 1	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	'0353662687	Ngoại ngữ		
7	3	508	Tiếng Anh GE1	7258101B01	9	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	3	511	Kỹ năng viết 1	7252201A05	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
7	3	513	Tiếng Anh GE1	7258101B01	10	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	3	606	Tâm lý học đại cương	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	3	607	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A18	.	l.TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
7	3	608	Kỹ năng nói 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
7	3	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	3	HTL	Pháp luật đại cương	725NS2	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904.224.877	Ngoại ngữ		
7	4	308	Kỹ năng đọc 1	7252202A08	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	4	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A17	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
7	4	404	Kỹ năng nghe 1	7252202A02	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	4	410	Tiếng Anh GE1	7253401A04	7	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
7	4	415	Tiếng Anh GE1	7253401A04	8	Ths	Nguyễn Thanh Vân	0973780020	Kinh tế - QTKD		
7	4	504	Phương pháp học & NCKH	7253401A03	.	TS	Vũ Văn Chung	'0986376369	Kinh tế - QTKD		
7	4	506	Kỹ năng nói 1	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	'0353662687	Ngoại ngữ		
7	4	508	Tiếng Anh GE1	7258101B01	9	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		
7	4	511	Kỹ năng viết 1	7252201A05	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
7	4	513	Tiếng Anh GE1	7258101B01	10	Ths	Trần Thị Hiền	0986989197	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	4	606	Tâm lý học đại cương	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	4	607	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A18	.	1.TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
7	4	608	Kỹ năng nói 1	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
7	4	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	4	HTL	Pháp luật đại cương	725NS2	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904.224.877	Ngoại ngữ		
7	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
7	6	307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A10	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998/ '036600	Ngoại ngữ		
7	6	313	Kỹ năng viết 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Nương	'0912833525	Ngoại ngữ		
7	6	407	Kỹ năng nghe 1	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
7	6	415	Kỹ năng nghe 1	7252202A09	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	6	503	Triết học Mác-Lênin	7253405A01	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		
7	6	504	Pháp luật đại cương	7253405A02	.	Ths	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
7	6	506	Tâm lý học đại cương	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	6	508	Tiếng Anh GE1	7253403A02	23	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
7	6	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A14	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	6	513	Tiếng Anh GE1	7253403A02	24	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
7	6	606	Toán cao cấp	7253403A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
7	6	607	Triết học Mác-Lênin	7258101B04	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
7	6	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A11	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	6	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A12	.	ThS	Dương Ánh Tuyết Ng	0988183650 '036600	Ngoại ngữ		
7	6	613	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A03	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
7	6	702	Kỹ năng nói 1	7252202A21	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	'0363792733	Ngoại ngữ		
7	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
7	7	307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A10	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998/ '036600	Ngoại ngữ		
7	7	313	Kỹ năng viết 1	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Nương	'0912833525	Ngoại ngữ		
7	7	407	Kỹ năng nghe 1	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
7	7	415	Kỹ năng nghe 1	7252202A09	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	7	503	Triết học Mác-Lênin	7253405A01	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	7	504	Pháp luật đại cương	7253405A02	.	Ths	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
7	7	506	Tâm lý học đại cương	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	7	508	Tiếng Anh GE1	7253403A02	23	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
7	7	511	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A14	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	7	513	Tiếng Anh GE1	7253403A02	24	Ths	Vũ T. Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
7	7	606	Toán cao cấp	7253403A01	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
7	7	607	Triết học Mác-Lênin	7258101B04	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
7	7	608	Kỹ năng đọc 1	7252202A11	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	7	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A12	.	ThS	Dương Ánh Tuyết Ng	0988183650 '036600	Ngoại ngữ		
7	7	613	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A03	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
7	7	702	Kỹ năng nói 1	7252202A21	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	'0363792733	Ngoại ngữ		
7	8	305	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	8	306	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
7	8	307	Kỹ năng nghe 1	7252202A10	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	8	313	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A04	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
7	8	407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A13	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	8	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A09	.	TS/Ths	Lê Thị Đông Vinh/Nguyễn	0912236949	Ngoại ngữ		
7	8	503	Pháp luật đại cương	7253405A01	.	Ths	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
7	8	504	Triết học Mác-Lênin	7253405A02	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		
7	8	506	Triết học Mác-Lênin	7258101B03	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
7	8	508	Tiếng Anh GE1	7253403A01	21	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
7	8	511	Kỹ năng nghe 1	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
7	8	513	Tiếng Anh GE1	7253403A01	22	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
7	8	606	Toán cao cấp	7253403A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
7	8	607	Tâm lý học đại cương	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
7	8	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A12	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	8	613	Kỹ năng nói 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
7	9	305	Ngữ pháp cơ sở 1	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ:

08/12/2025 Đến

14/12/2025

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	9	306	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
7	9	307	Kỹ năng nghe 1	7252202A10	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	9	313	Ngữ pháp thực hành 1	7252201A04	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
7	9	407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A13	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	9	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A09	.	TS/Ths	Lê Thị Đông Vinh/Nguyễn	0912236949	Ngoại ngữ		
7	9	503	Pháp luật đại cương	7253405A01	.	Ths	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
7	9	504	Triết học Mác-Lênin	7253405A02	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	'0913049672	Kinh tế - QTKD		
7	9	506	Triết học Mác-Lênin	7258101B03	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	'0913239344	Kinh tế - QTKD		
7	9	508	Tiếng Anh GE1	7253403A01	21	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
7	9	511	Kỹ năng nghe 1	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	'0837888682	Ngoại ngữ		
7	9	513	Tiếng Anh GE1	7253403A01	22	Ths	Đào Thị Mai	0911342686	Kinh tế - QTKD		
7	9	606	Toán cao cấp	7253403A02	.	Ths	Nguyễn Văn Điệp	'0983249383	Kinh tế - QTKD		
7	9	607	Tâm lý học đại cương	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Liên	'0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ + D	0988183650	Ngoại ngữ		
7	9	611	Kỹ năng đọc 1	7252202A12	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	9	613	Kỹ năng nói 1	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ I - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 19 Thực hiện từ: 08/12/2025 Đến 14/12/2025

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
-----	------	----	-----	-----	------	------	------------	------------	------	-------	--------